

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HÒA BÌNH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số:56/2024/DS-ST

Ngày: 12-12-2024

“V/v Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc
và hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em

2. Ông Liêu Tài Ngoánh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2024/TLST- DS ngày 17 tháng 06 năm 2024 về “*Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc và hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Châu Quang P, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Cao Thị Túy G, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số G, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

(Theo hợp đồng ủy quyền đề ngày 29/5/2024)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Kim T1, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Bà Cao Thị Túy G, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Số G, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

(Theo hợp đồng ủy quyền đề ngày 29/5/2024)

2. Bà Huỳnh Thị Chúc L, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 05 năm 2024, đơn yêu cầu ngày 01 tháng 10 năm 2024, tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án– đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Cao Thị Túy G trình bày: Ông Châu Quang P và ông Nguyễn Hoàng T có quen biết nhau do ở cùng địa phương và hai bên cũng có nhiều lần thỏa thuận mua- bán lúa, cụ thể:

+ Tháng 11 năm 2023, ông P và ông T có thỏa thuận là ông T sẽ bán cho ông P 2.900 tấn lúa (Lúa Đài T), ông P có đặt cọc cho ông T số tiền 1.170.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng). Nếu đến ngày giao lúa mà ông P không thực hiện việc mua lúa của ông T thì sẽ mất cọc, ngược lại, nếu ông T không thực hiện được theo hợp đồng thì phải bồi thường cho ông P gấp đôi tiền cọc.

Khi đến hạn giao lúa, ông T chỉ giao cho ông P được 1.000 tấn lúa (tương đương 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng)), còn lại 1.900 tấn lúa tương đương 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng) thì ông T không có giao cho ông P. Ông P và ông T có thỏa thuận và thống nhất với nhau ông T sẽ trả lại cho ông P số tiền 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng) tương đương 1.900 tấn lúa và bồi thường cọc với số tiền 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng) do vi phạm thỏa thuận. Ông T đã thanh toán cho ông P nhiều lần với tổng số tiền 1.140.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng), còn nợ lại ông P số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

+ Ngày 03/02/2024, ông P có cho ông T mượn số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), ông T có viết biên nhận cho ông P về việc có nhận của ông P số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), bao gồm: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) mà ông P cho ông T mượn và 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Cùng ngày trên, ông T có thỏa thuận hợp đồng mua bán khoản 700,800 tấn lúa (giống lúa Đài thơm 8), theo như hợp đồng thì ông T cam kết sẽ giao lúa cho ông P từ ngày 15/10/2024 đến ngày 20/3/2024 âm lịch. Hai bên có tiến hành làm hợp đồng, ông P có đặt cọc cho ông T số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

+ Ngày 24/2/2024, ông P và ông T tiếp tục thỏa thuận hợp đồng mua 1.650 tấn lúa (giống lúa Đài thơm 8), theo như hợp đồng thì ông T cam kết sẽ giao lúa cho ông P từ ngày 20/01/2024 đến ngày 30/01/2024 âm lịch (nhằm ngày 29/2/2024 đến ngày 09/3/2024 dương lịch). Hai bên có tiến hành làm hợp đồng, ông P có tiến hành đặt cọc cho ông T số tiền 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng) trước sự chứng kiến của ông Lương Văn H. Hai bên tiếp tục thỏa thuận nếu đến ngày giao lúa mà ông P không nhận lúa thì ông P sẽ mất số tiền 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng) đã đặt cọc cho ông T, ngược lại, nếu ông T không bán lúa cho ông P thì phải bồi thường gấp đôi tiền cọc.

Đến thời hạn giao lúa, ông T chỉ giao cho ông P có 100 tấn lúa, nên ông P có yêu cầu ông T trả lại tiền cọc đã nhận, yêu cầu bồi thường cọc và ông T đồng ý. Ông P và ông T có thỏa thuận với nhau là ông T sẽ trả lại cho ông P số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) tương đương 1.000 tấn lúa, còn lại 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) thì sẽ được quy ra tương đương 650 tấn lúa và ông T cam kết đến ngày 10/02/2024 âm lịch (nhằm ngày 19/03/2024 dương lịch) sẽ giao đủ số lúa trên cho ông P.

Tuy nhiên, đến ngày 10/02/2024 âm lịch thì ông T chỉ trả cho ông P số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và cũng không tiến hành giao lúa theo thỏa thuận. Sau đó, ông P có đến nhà tìm ông T để yêu cầu tiếp tục thực hiện nghĩa vụ là phải trả cho ông P số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) tiền bồi thường hợp đồng mà ông T còn nợ ông P trước đó, số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) mà ông P cho ông T mượn, số tiền 560.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng) tiền cọc đối với hợp đồng ngày 24/02/2024. Tổng số tiền mà ông P yêu cầu ông T phải trả cho ông P là 1.360.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng), ông T đồng ý số nợ nhưng không thực hiện trả tiền cho ông P.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2024, ông Châu Quang P yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T có nghĩa vụ thanh toán cho ông P số tiền 1.360.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính từ ngày có đơn khởi kiện cho đến khi thanh toán xong hết khoản nợ nêu trên.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết, ông T, bà L có trả cho ông P được số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), còn nợ lại số tiền là 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng). Do đó, ông P xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Hoàng T, bà Huỳnh Thị Chúc L về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T, bà Huỳnh Thị Chúc L trả số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Do hiện nay ông Nguyễn Hoàng T có vợ là Huỳnh Thị Chúc L và ông T còn nợ ông P số tiền nợ là 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng) phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà L, nên ông Châu Quang P yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L có nghĩa vụ thanh toán cho ông P số tiền là 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu ông T, bà L trả lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Ông P xin rút lại yêu cầu buộc ông T, bà L trả tiền lãi suất trên số tiền 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng) từ ngày 30/05/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, ông P không còn có yêu cầu gì khác.

Theo bị đơn – ông Nguyễn Hoàng T trình bày: Ông T thống nhất theo trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về số tiền nợ của các lần đặt cọc mua bán lúa và việc mượn tiền của ông Châu Quang P, ông Nguyễn Hoàng T thừa nhận: Hiện ông T còn nợ ông P số tiền nợ là 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng). Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Châu Quang P thì ông Nguyễn Hoàng T đồng ý trả cho ông P số tiền hiện ông T

đang thiếu của ông P là 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu chục triệu đồng) và đồng ý trả lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Ông Nguyễn Hoàng T xác định: Ông Nguyễn Hoàng T và Bà Huỳnh Thị Chúc L, sinh năm 1991- Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu có mối quan hệ là vợ chồng, ông T và bà L xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 15/12/2016. Hiện nay, ông T và bà L vẫn còn là vợ chồng với nhau. Ngoài ra, ông T không còn có ý kiến trình bày gì thêm.

Theo đại diện ủy quyền của bà Phạm Thị Kim T1- bà Cao Thị Túy G trình bày: Bà Phạm Thị Kim T1 là vợ của ông Châu Quang P, bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông P, bà không có ý kiến trình bày gì thêm.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Huỳnh Thị Chúc L trình bày (thể hiện tại văn bản trình bày ý kiến và đơn xin vắng mặt đề ngày 25/10/2024): Trước yêu cầu khởi kiện của ông Châu Quang P thì bà L không đồng ý cùng có trách nhiệm với ông Nguyễn Hoàng T thanh toán cho ông Châu Quang P số tiền 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu chục triệu đồng) vì bà L xác định: Bà không có quen biết với ông Châu Quang P và không có bất cứ giao dịch gì; Bà không cùng ông Nguyễn Hoàng T tham gia giao dịch mượn tiền với ông P; Ông Nguyễn Hoàng T không có bàn bạc gì với bà về việc hợp đồng lúa và vay mượn, đồng thời, ông T không có giao dịch với bà về chuyện tiền bạc liên quan đến vay mượn của ông Châu Quang P; Ông T ra ngoài làm ăn như thế nào thì bà cũng không được biết, việc ông T và ông P hợp đồng mua bán, vay mượn là chuyện cá nhân giữa hai người. Ngoài ra, bà L không còn ý kiến trình bày gì thêm.

* Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề xuất:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu của ông Châu Quang P đối với ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L: Buộc ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L có nghĩa vụ trả cho ông Châu Quang P số tiền nợ 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu chục triệu đồng) và lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

+ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Châu Quang P đối với ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L trả số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi trên số tiền 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng) từ ngày 30/05/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định đối với yêu cầu của ông Châu Quang P được chấp nhận, hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Châu Quang P tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là ông Châu Quang P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L trả số tiền nợ theo hợp đồng đặt cọc và hợp đồng vay tài sản. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn là ông Nguyễn Hoàng T có nơi cư trú tại ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Chúc L có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Huỳnh Thị Chúc L.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T, bà Huỳnh Thị Chúc L trả số tiền nợ là 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu chục triệu đồng).

Xét thấy, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ông Châu Quang P và ông Nguyễn Hoàng T đều thống nhất thừa nhận: Hiện nay, ông Nguyễn Hoàng T có nợ ông Châu Quang P số tiền nợ là 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu chục triệu đồng), đây là tiền ông T nợ ông P trong việc đặt cọc mua bán lúa và tiền vay ông T nợ ông P. Sự thừa nhận của ông P, ông T phù hợp với hợp đồng đặt cọc mua bán lúa cũng như biên nhận nợ mà ông P cung cấp tại Tòa án (BL 03-06). Do vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bà Huỳnh Thị Chúc L, bà L không đồng ý cùng ông Nguyễn Hoàng T trả nợ cho ông P thì thấy rằng: Việc giao dịch vay tiền và đặt cọc mua bán lúa giữa ông P và ông T là có xảy ra trên thực tế, bà L không có tham gia vào giao dịch vay tiền và đặt cọc mua bán lúa giữa ông P và ông T. Tuy nhiên, giữa ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L là vợ chồng, đang trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, khoản nợ mà ông P yêu cầu ông T và bà L phải trả phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Ông T và bà L không có thỏa thuận xác lập chế độ tài sản riêng của vợ chồng theo quy định tại Điều 47 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng T xác định: công việc chính của ông là mua bán lúa để tạo ra thu nhập nuôi sống gia đình, ông bắt đầu làm công việc mua bán lúa từ năm 2021 đến nay, bà L cũng biết điều này. Trong quá trình sống chung thì không có tài liệu nào bà L phản đối việc ông T đặt cọc mua bán lúa và vay tiền của ông P, bà L cho rằng bà không biết việc ông T và ông P hợp đồng mua bán, vay mượn là chuyện cá nhân giữa hai người, tuy nhiên, bà L không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho phần trình bày của bà là có căn cứ. Hơn

nữa, bà L cũng không chứng minh số nợ ông T đối với ông P không vì nhu cầu của gia đình theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng:2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.”* Tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: ...2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”*.

Do đó, cần buộc bà Huỳnh Thị Chúc L có trách nhiệm liên đới với ông T trả số tiền nợ cho ông P số tiền nợ là 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu chục triệu đồng).

[3] Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Châu Quang P đối với ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L: Buộc ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Châu Quang P số tiền 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu chục triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Đối với việc ông Châu Quang P xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Hoàng T, bà Huỳnh Thị Chúc L về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T, bà Huỳnh Thị Chúc L trả số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) do trong quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà L đã thanh toán một phần nợ cho ông P. Đồng thời, ông P xin rút lại yêu cầu buộc ông T, bà L trả tiền lãi suất trên số tiền 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng) từ ngày 30/05/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên của ông P là tự nguyện, nên căn cứ theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Châu Quang P đối với ông Nguyễn Hoàng T, bà Huỳnh Thị Chúc L về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L trả số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi trên số tiền 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng) từ ngày 30/05/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí sơ thẩm, ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L phải chịu nộp là 36.000.000 đồng + 3% x (1.160.000.000 đồng – 800.000.000 đồng) = 46.800.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Ông Châu Quang P đã dự nộp tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự số tiền 26.400.000 đồng (Hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005516 ngày 17/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468, Điều 328 Bộ luật dân sự; Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Châu Quang P đối với ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc và tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L có nghĩa vụ trả cho ông Châu Quang P số tiền nợ là 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu chục triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Châu Quang P đối với ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L trả số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi trên số tiền 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng) từ ngày 30/05/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Huỳnh Thị Chúc L phải chịu số tiền là 46.800.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Ông Châu Quang P đã dự nộp tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự số tiền 26.400.000 đồng (Hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005516 ngày 17/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

4/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Mỹ Xuyên